

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 39
8. Phụ lục	40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính Công ty TNHH may Tân Mỹ (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty sản xuất xuất nhập khẩu may Sài Gòn theo Quyết định số 1663/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300742387 (đăng ký lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002036 ngày 07 tháng 01 năm 2004) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần 01 đến lần 07 về việc bổ sung chức năng kinh doanh, tên và địa chỉ của các Chi nhánh, thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 22 tháng 02 năm 2012:

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Quang Hùng	207.324	2.073.240.000	2,34
Ông Nguyễn Ân	194.628	1.946.280.000	2,19
Bà Đỗ Thị Kim Nhân	132.365	1.323.650.000	1,49
Ông Nguyễn Hoàng Giang	90.084	900.840.000	1,02
Ông Lâm Từ Thanh	155.140	1.551.400.000	1,75
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	5.065	50.650.000	0,06
Các cổ đông khác	8.083.965	80.839.650.000	91,15
Cộng	8.868.571	88.685.710.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 22 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là GMC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại : (84-8) 398 44 822
 Fax : (84-8) 398 44 746
 E-mail : gmsg@hcm.fpt.vn
 Mã số thuế : 0300742387

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp may An Nhơn	236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may Bình Tiên	55E Minh Phụng, phường 5, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may An Phú	14/5 ấp Chánh 2, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp may Tân Phú	333 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp giặt Bình Chánh	Lô H 38C đường số 6 Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty là: Công nghiệp may, sản phẩm chính: quần áo may sẵn các loại; Công nghiệp dệt vải các loại; Kinh doanh vật tư, máy móc thiết bị và nguyên liệu phục vụ ngành may; Công nghiệp dệt len các loại; Môi giới thương mại; Đầu tư kinh doanh siêu thị và dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng; Kinh doanh nhà; Cho thuê nhà xưởng; Dịch vụ giặt, tẩy (không hoạt động tại trụ sở); Tư vấn quản lý kinh doanh; Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng xuất khẩu, nhập khẩu; Dịch vụ vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công ty con và Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH may Tân Mỹ	Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4904000149 ngày 29 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp	100,00%
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4903000177 ngày 13 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp	32,47%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 40).

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 31 tháng 3 năm 2011 như sau:

- Chia cổ tức (20%vốn điều lệ)	17.730.042.000 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau thuế)	1.568.666.418 VND
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (2% lợi nhuận sau thuế)	634.756.014 VND
- Trích thưởng Hội đồng quản trị	1.096.646.048 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	8.386.655.448 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.171.608.939 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Hùng	Chủ tịch	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Nguyễn Ân	Phó Chủ tịch	31 tháng 12 năm 2003	-
Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Thành viên	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	31 tháng 12 năm 2003	-
Ông Lâm Từ Thanh	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Thanh Thị Huệ	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	04 tháng 8 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Chín	Trưởng ban	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Liêu Sanh Thu Cúc	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Thành viên	15 tháng 4 năm 2009	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ân	Tổng Giám đốc	27 tháng 01 năm 2004	-
Bà Đỗ Thị Kim Nhân	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 4 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lê Quang Hùng
Chủ tịch

Ngày 23 tháng 3 năm 2012





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0233/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty cổ phần sản xuất - thương mại may Sài Gòn (Công ty mẹ) và Công ty TNHH may Tân Mỹ (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 26 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất - thương mại may Sài Gòn. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất - thương mại may Sài Gòn cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất đến chỉ tiêu mã số 416 "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ. Công ty đang đánh giá khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của tiền, nợ phải thu và các khoản nợ phải trả ngắn hạn theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính với số tiền là 5.175.481.758 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2012

Thư

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1182/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		288.651.333.390	216.012.223.995
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.021.747.606	26.304.856.543
1. Tiền	111		17.021.747.606	26.304.856.543
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	310.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	310.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.676.488.732	91.772.683.809
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	88.812.692.622	76.756.520.672
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	14.745.610.319	11.179.522.924
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	7.118.185.791	3.836.640.213
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		156.038.663.680	91.647.589.090
1. Hàng tồn kho	141	V.6	156.038.663.680	92.004.104.327
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	(356.515.237)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.914.433.372	5.977.094.553
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.628.842	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.662.484.023	5.827.779.846
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	241.320.507	149.314.707

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.783.615.714	94.088.778.671
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.728.361	25.728.361
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		25.728.361	25.728.361
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		86.328.247.650	74.134.994.254
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	74.371.520.486	62.271.611.254
Nguyên giá	222		160.950.310.281	138.841.693.531
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.578.789.795)	(76.570.082.277)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228	V.10	22.302.783	10.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.302.783)	(10.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	11.956.727.164	11.863.383.000
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.699.820.000	18.353.770.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	4.341.000.000	4.341.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	17.289.920.000	16.943.870.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(2.931.100.000)	(2.931.100.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.729.819.703	1.574.286.056
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	2.479.017.756	1.323.484.109
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	250.801.947	250.801.947
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		396.434.949.104	310.101.002.666

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		234.114.748.592	175.780.316.839
I. Nợ ngắn hạn	310		232.351.405.094	175.189.037.465
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	91.738.121.735	92.548.299.659
2. Phải trả người bán	312	V.18	69.915.189.843	32.835.082.537
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	2.922.137.480	2.127.197.980
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	6.893.813.982	3.673.476.829
5. Phải trả người lao động	315	V.21	54.129.874.526	31.645.300.126
6. Chi phí phải trả	316	V.22	5.638.441.689	1.843.629.947
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	673.647.692	10.081.453.522
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	440.178.147	434.596.865
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.763.343.498	591.279.374
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	1.763.343.498	591.279.374
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162.320.200.512	134.320.685.827
I. Vốn chủ sở hữu	410		162.320.200.512	134.320.685.827
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	88.685.710.000	88.685.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	5.765.652.370	5.765.652.370
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.26	(863.138.686)	(88.750.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.26	5.175.481.758	1.412.257.150
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	26.097.866.377	20.819.914.139
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	5.830.294.458	4.261.628.040
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	31.628.334.235	13.464.274.128
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		396.434.949.104	310.101.002.666

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		32.958.153.410	37.719.744.266
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		2.712.572.487	8.038.966.310
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		730.721,73	1.305.923,92
Euro (EUR)		3.446,29	3.442,85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2012

Trần Thị Mỹ Hạnh
Người lập biểu

Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	865.731.349.724	613.916.316.899
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		44.622.757	33.283.782
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	865.686.726.967	613.883.033.117
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	682.336.252.685	488.359.965.452
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		183.350.474.282	125.523.067.665
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.388.256.996	16.286.966.717
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.605.132.108	10.731.919.849
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.247.570.039	4.797.843.461
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	18.254.211.725	15.328.589.773
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	118.030.669.925	76.651.265.800
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.848.717.520	39.098.258.960
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.675.566.166	1.036.301.473
12. Chi phí khác	32	VI.8	7.863.528	77.147.678
13. Lợi nhuận khác	40		1.667.702.638	959.153.795
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.516.420.158	40.057.412.755
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	9.505.719.475	5.104.562.568
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>43.010.700.683</u>	<u>34.952.850.187</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		43.010.700.683	34.952.850.187
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>4.871</u>	<u>3.943</u>


 Trần Thị Mỹ Hạnh
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Hằng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Ân
 Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.516.420.158	40.057.412.755
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	10.561.064.395	10.829.612.926
- Các khoản dự phòng	03		-	356.515.237
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.084.616.681)	(804.862.946)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	6.247.570.039	4.797.843.461
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68.240.437.911	55.236.521.433
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.147.747.022)	(55.122.588.974)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(64.391.074.590)	(37.748.265.766)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		65.360.477.109	33.821.890.382
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(551.654.422)	(328.780.881)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22, VI.4	(6.345.191.375)	(4.572.423.020)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(8.252.971.610)	(5.085.271.823)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.666.609.993)	(7.259.571.781)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		25.245.666.008	(21.058.490.430)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11, VII	(22.004.455.427)	(15.198.708.696)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	240.600.000	341.627.274
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(310.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(36.050.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	(9.270.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	851.880.000	470.589.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.948.025.427)	(14.695.762.422)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.26	(774.388.686)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	402.042.865.751	279.041.470.883
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(402.098.043.615)	(227.895.508.937)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(17.684.332.000)	(17.730.042.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.513.898.550)	33.415.919.946
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14.216.257.969)	(2.338.332.906)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	26.304.856.543	26.687.436.599
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.933.149.032	1.955.752.850
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	17.021.747.606	26.304.856.543


Trần Thị Mỹ Hạnh
Người lập biểu


Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng


Nguyễn Ân
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính Công ty TNHH may Tân Mỹ (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : May công nghiệp; kinh doanh dịch vụ giặt tẩy.
4. **Tổng số các công ty con** : 01
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01

5. Danh sách công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH may Tân Mỹ	Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Hắc Dịch, ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	100%	100%

6. Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Ấp Trảng Cát, xã Hắc Dịch, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.	Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Phú Mỹ chưa được kiểm toán

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 2.989 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 2.628 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn (Công ty mẹ) và Công ty TNHH may Tân Mỹ (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 04 năm.

Chi phí sửa chữa

Các khoản chi phí phát sinh để sửa chữa xưởng Tân Xuân được phân bổ vào chi phí trong thời gian từ 01 năm đến 04 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 19.500 VND/USD
: 27.387 VND/EUR
31/12/2011 : 20.828 VND/USD
: 27.042 VND/EUR

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	931.859.201	266.050.869
Tiền gửi ngân hàng	16.089.888.405	26.038.805.674
Cộng	<u>17.021.747.606</u>	<u>26.304.856.543</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Trong năm, 3.100 trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á được chuyển đổi thành 31.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Số cổ phiếu sau khi chuyển đổi được Công ty phân loại là khoản đầu tư dài hạn.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	59.010.050.091	4.028.344.522
Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Thắng		
Jean	873.714.657	1.982.472.663
Công ty TNHH thời trang xanh cơ bản	33.919.946.069	929.354.407
Công ty TNHH B&O	16.818.256.871	1.002.138.590
Công ty TNHH MTV Con Đường Xanh Quảng Nam	4.928.498.740	-
Công ty TNHH Khang Minh	2.393.032.245	-
Các khách hàng trong nước khác	76.601.509	114.378.862
Khách hàng nước ngoài	29.802.642.531	72.728.176.150
Promiles S.N.C	9.128.861.579	41.436.923.190
New Wave Group SA.	814.377.507	22.217.765.193
Columbia Sportswear Company	17.835.957.831	9.001.511.317
Asmara International Company	394.059.511	-
N.I.Teijin	774.642.473	-
Apparel	839.805.788	-
Các khách hàng nước ngoài khác	14.937.842	71.976.450
Cộng	<u>88.812.692.622</u>	<u>76.756.520.672</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Nhà cung cấp trong nước</i>	12.165.612.660	10.310.286.634
Công ty cổ phần Phú Mỹ	9.446.981.534	9.431.001.534
Công ty TNHH thương mại và sản xuất dệt may Minh Đông	1.706.888.626	-
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Trí Tín	123.500.000	123.500.000
Công ty TNHH GC CK Chế Tạo Máy Kiểu Minh	110.000.000	110.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng CD	583.000.000	350.000.000
Các nhà cung cấp trong nước khác	195.242.500	295.785.100
<i>Nhà cung cấp nước ngoài</i>	2.579.997.659	869.236.290
ADT	93.029.143	-
Chnewwide	416.969.270	-
Hang Sang (Siu Po)Press Co.,LTD	-	161.782.140
Joyoung	1.375.928.896	-
HTT Insprise (Xiamen)IMP &EXP Co.,Ltd	-	437.219.055
Kai Cherng Enterprise Co.,Ltd	124.190.074	-
Zhangjiang Weixing	282.390.190	-
Paxar Far East Limited	-	113.484.345
Shanghai Dragon	138.434.760	-
Các nhà cung cấp nước ngoài khác	149.055.326	156.750.750
Cộng	14.745.610.319	11.179.522.924

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm nộp thuế nhập khẩu	1.718.312.889	155.428.033
Phải thu tiền ứng thuế đất tại Cụm công nghiệp Hắc Dịch cho Công ty TNHH may Tân Mỹ	3.670.052.514	3.670.052.514
Cho Công ty Cổ phần Phú Mỹ mượn tiền để xây dựng trạm xử lý nước thải	1.562.831.120	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	78.717.108	11.159.666
Phải thu khác	88.272.160	-
Cộng	7.118.185.791	3.836.640.213

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	77.262.245.294	57.978.499.493
Công cụ, dụng cụ	1.285.710.864	2.100.646.168
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	998.454.246	585.110.180
Thành phẩm	76.492.253.276	31.339.848.486
Cộng	156.038.663.680	92.004.104.327

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho một số thành phẩm tồn kho từ năm 2007 và khó có khả năng bán được căn cứ vào giá trị thuần ước tính có thể thực hiện được.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	356.515.237	-
Trích lập dự phòng	-	356.515.237
Giảm do bán hàng tồn kho đã dự phòng	(356.515.237)	-
Số cuối năm	-	356.515.237

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	39.620.507	39.620.507
Tạm ứng	201.700.000	109.694.200
Cộng	241.320.507	149.314.707

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	68.971.506.357	59.049.209.352	6.307.751.707	4.513.226.115	138.841.693.531
Tăng trong năm	3.108.114.480	17.569.379.194	1.656.270.910	322.769.579	22.656.534.163
Mua sắm mới	2.814.705.424	17.569.379.194	1.656.270.910	322.769.579	22.363.125.107
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản	293.409.056	-	-	-	293.409.056
Thanh lý, nhượng bán	-	(547.917.413)	-	-	(547.917.413)
Số cuối năm	72.079.620.837	76.070.671.133	7.964.022.617	4.835.995.694	160.950.310.281
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.349.891.406	29.226.636.114	2.951.549.954	2.547.935.831	48.076.013.305
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	31.248.229.535	38.234.743.399	3.747.698.084	3.339.411.259	76.570.082.277
Khấu hao trong năm	2.468.694.291	7.182.138.581	450.690.225	447.238.515	10.548.761.612
Thanh lý, nhượng bán	-	(540.054.094)	-	-	(540.054.094)
Số cuối năm	33.716.923.826	44.876.827.886	4.198.388.309	3.786.649.774	86.578.789.795
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	37.723.276.822	20.814.465.953	2.560.053.623	1.173.814.856	62.271.611.254
Số cuối năm	38.362.697.011	31.193.843.247	3.765.634.308	1.049.345.920	74.371.520.486
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	10.000.000
Tăng khác	12.302.783
Số cuối năm	22.302.783
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	22.302.783
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	10.000.000
Khấu hao trong năm	12.302.783
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	-
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ	Số cuối năm
Tiền đất tại 213 Hồng Bàng	10.020.000.000	-	-	10.020.000.000
Chi phí thực hiện dự án Xí nghiệp may Tân Mỹ tại Cụm công nghiệp Hắc Dịch	1.843.383.000	386.753.220	(293.409.056)	1.936.727.164
Cộng	11.863.383.000	386.753.220	(293.409.056)	11.956.727.164

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Mỹ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000177 ngày 13 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Phú Mỹ 4.341.000.000 VND, tương đương 32,47% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã đầu tư đủ số vốn điều lệ theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

13. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư cổ phiếu. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần da giày Sagoda	98.155	1.919.150.000	7.325	1.919.150.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gia Định	843.950	10.127.400.000	843.950	10.127.400.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	16.275	1.245.320.000	10.927	1.209.270.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	196.855	3.998.050.000	155.005	3.688.050.000
Cộng		17.289.920.000		16.943.870.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần da giày Sagoda: số lượng cổ phiếu tăng do thay đổi mệnh giá từ 100.000 VND/cổ phiếu thành 10.000 VND/cổ phiếu. Ngoài ra, Công ty còn nhận thêm 24.905 cổ phiếu thưởng theo Thông báo số 12/TB-HĐQT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Công ty cổ phần da giày Sagoda.
- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam: tăng do mua thêm 3.605 cổ phiếu với giá mua 10.000 VND/cổ phiếu và 1.743 cổ phiếu nhận được từ cổ tức chia bằng cổ phiếu năm 2010.
- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á: tăng do chuyển đổi 3.100 trái phiếu chuyển đổi thành 31.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Ngoài ra, Công ty còn nhận cổ tức bằng cổ phiếu là 10.850 cổ phiếu.

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	900.000.000	900.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	2.031.100.000	2.031.100.000
Cộng	2.931.100.000	2.931.100.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	749.698.678	2.618.689.113	(1.313.404.314)	2.054.983.477
Chi phí sửa chữa	573.785.431	174.881.576	(324.632.728)	424.034.279
Cộng	1.323.484.109	2.793.570.689	(1.638.037.042)	2.479.017.756

16. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ thuê nhà và ký quỹ điện thoại.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	41.569.838.104	15.768.824.401
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(b)	20.371.975.315	50.739.761.818
Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) ^(a)	13.462.615.188	26.039.713.440
Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	16.333.693.128	-
Cộng	91.738.121.735	92.548.299.659

- ^(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) và Ngân hàng First Commercial – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	92.548.299.659	42.162.947.967
Số tiền vay phát sinh trong năm	402.042.865.751	279.041.470.883
Số tiền vay đã trả trong năm	(402.098.043.615)	(227.895.508.937)
Giảm do hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	(755.000.060)	(760.610.254)
Số cuối năm	91.738.121.735	92.548.299.659

18. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Nhà cung cấp trong nước</i>	<i>24.216.188.656</i>	<i>22.798.429.378</i>
B & O	1.268.399.987	-
Công ty TNHH công nghiệp Chung Lương Việt Nam	6.226.013.440	10.513.963.240
Công ty TNHH VN Paiho	842.038.831	657.657.447
Công ty TNHH YKK Việt Nam	6.770.236.309	1.957.683.416
Công ty TNHH Formosa Việt Nam	1.767.649.250	697.332.344
Công ty TNHH Shinih Việt Nam	31.058.737	31.470.368
Công ty TNHH Coast Phong Phú	1.473.037.004	1.959.547.894
Công ty TNHH đầu tư phát triển Khang Minh	142.097.778	479.650.631
Các nhà cung cấp trong nước khác	5.695.657.320	6.501.124.038
<i>Nhà cung cấp nước ngoài</i>	<i>45.699.001.187</i>	<i>10.036.653.159</i>
East Tung Co., Ltd	1.407.154.885	1.955.482.620
Jbo Sporting Goods Co., Ltd	2.728.309.499	1.365.442.650
Huge Rock Textile Co., Ltd	1.891.786.620	1.459.125.525
Pep Wing International Coporation	126.367.850	14.064.180
Everest Textile Co., Ltd	-	110.175
Future Star	-	102.895.650
Unitex	471.379.296	-
Kai Cherng Enterprise Co., Ltd	-	341.670.030
Jefswin Co., Ltd	136.448.810	1.895.470.200
Sunrise Trading Co.,	-	1.393.939.560
Kunshan New Wide Textile Co., Ltd	-	519.581.790
Shanghai Sportin	3.535.662.972	-
Siddipsons	5.258.651.357	-
Suntex	2.546.940.316	-
N.I.Teijin	22.125.133.474	-
Nilorn	437.361.340	-
Bemis	1.062.477.936	-
Three Luster	2.116.435.970	-
Các nhà cung cấp nước ngoài khác	1.854.890.862	988.870.779
Cộng	69.915.189.843	32.835.082.537

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
N.I.Teijin Shoji (H.K) Ltd	-	2.035.197.980
Onesource	2.611.144.917	-
Kanho	114.554.000	-
Three Luster	98.139.870	-
Các khách hàng khác	98.298.693	92.000.000
Cộng	2.922.137.480	2.127.197.980

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	602.883.151	2.890.105.962	(3.492.989.113)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.602.844.958	(3.297.432.232)	305.412.726
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.876.326.005	9.505.719.475	(8.252.971.610)	4.129.073.870
Thuế thu nhập cá nhân	194.267.673	2.217.466.744	(1.320.436.474)	1.091.297.943
Thuế tài nguyên	-	1.872.000	(1.872.000)	-
Tiền thuê đất	-	1.087.220.285	(765.982.723)	321.237.562
Thuế môn bài	-	12.000.000	(12.000.000)	-
Tiền phạt chậm nộp thuế theo Biên bản quyết toán thuế từ năm 2006 đến năm 2009	-	1.046.791.881	-	1.046.791.881
Cộng	3.673.476.829	20.364.021.305	(17.143.684.152)	6.893.813.982

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm theo Công văn số 1467/CT-TTHT ngày 11 tháng 3 năm 2010 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp sau theo Công văn số 1257/CT-TKN ngày 01 tháng 02 năm 2007 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Năm tài chính 2004 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.
- Đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH may Tân Mỹ: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000077 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi là 15% cho 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo..

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.516.420.158	40.057.412.755
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	558.715.268	745.437.920
- Các khoản điều chỉnh giảm	(851.880.000)	(470.589.000)
Thu nhập chịu thuế	52.223.255.426	40.332.261.675
Lỗi các năm trước được chuyển ở Công ty con	(912.914.099)	(623.714.350)
Thu nhập tính thuế	51.310.341.327	39.708.547.325
Trong đó:		
- Thu nhập tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh chính (thuế suất 20%)	40.704.796.767	32.150.495.086
- Thu nhập tính thuế khác (thuế suất 25%)	10.605.544.560	7.558.052.239
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	10.792.345.493	8.319.612.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (50%)	-	(3.215.049.509)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Nghị quyết 08/2011/QH	(2.442.287.806)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước theo Biên bản quyết toán thuế năm 2006 - 2009	1.262.005.087	-
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và tăng quỹ đầu tư phát triển theo Biên bản quyết toán thuế năm 2006 - 2009	(106.343.299)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.505.719.475	5.104.562.568

Thuế tài nguyên

Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sử dụng chung phục vụ sản xuất với mức 2.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với:

- Diện tích 13.765,9 m² đất đang sử dụng với mức 33.750 VND/m²/năm để làm văn phòng và xưởng may tại 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp theo Hợp đồng thuê đất số 1186/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 16 tháng 02 năm 2006 ký với Sở Tài nguyên Môi trường.
- Diện tích 766,8 m² đất đang sử dụng với mức 129.600 VND/m²/năm để làm xưởng may công nghiệp tại 55E Minh Phụng, phường 5, quận 6 theo Hợp đồng thuê đất số 5570/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 16 tháng 8 năm 2005 ký với Sở Tài nguyên Môi trường. Thời hạn thuê đất 05 năm kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2005.
- Diện tích 15.033 m² đất đang sử dụng với mức 1.521 VND/m²/năm để xây dựng nhà xưởng sản xuất tại xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn (cũ) theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 21/TB-TBa ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh - Chi cục thuế Hóc Môn. Thời hạn thuê đất 20 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1996.
- Diện tích 1.647 m² đất đang sử dụng với mức 54.000 VND/m²/năm để làm văn phòng và xưởng may mặc tại 332 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú theo Hợp đồng thuê đất số 6182/HĐTD-TNMT-ĐKKTD ngày 01 tháng 8 năm 2008 ký với Sở Tài nguyên Môi trường.
- Diện tích 1.873,6 m² đất tại 213 Hồng Bàng, phường 11, quận 5 đang sử dụng với mức 219.600 VND/m²/năm theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 4332/TB.CCT-TP 11,12,15 ngày 28 tháng 6 năm 2011 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh – Chi cục thuế quận 5.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương, thưởng	26.823.903.711	22.670.946.733
Các khoản khác	27.305.970.815	8.974.353.393
Cộng	54.129.874.526	31.645.300.126

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả hàng FOB	3.049.146.638	593.258.908
Chi phí phải trả hàng nội địa	2.048.853.112	-
Tiền lương phép	322.642.834	652.078.304
Chi phí thuê đất cho Công ty TNHH may Tân Mỹ	-	178.023.384
Chi phí lãi vay	127.799.105	225.420.441
Chi phí phải trả khác	90.000.000	194.848.910
Cộng	5.638.441.689	1.843.629.947

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	175.173.760	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	498.473.932	344.798.737
Cổ tức phải trả	-	8.865.021.000
Khoản tiền mượn của Công ty TNHH sản xuất thương mại Việt Thắng Jean	-	871.633.785
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-
Cộng	673.647.692	10.081.453.522

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	434.596.865	(2.026.883.767)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	5.171.608.939	5.654.325.474
Tăng do điều chuyển giữa các quỹ trong năm	-	101.690.549
Chi quỹ trong năm	(5.166.027.657)	(3.294.535.391)
Số cuối năm	440.178.147	434.596.865

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	591.279.374	439.999.061
Số trích trong năm	1.586.738.940	1.288.445.330
Số chi trong năm	(414.674.816)	(1.137.165.017)
Số cuối năm	1.763.343.498	591.279.374

26. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 40.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ tức**

Trong năm, Công ty cổ phần sản xuất – thương mại may Sài Gòn đã chi trả cổ tức như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước (10% mệnh giá)	8.865.021.000	8.865.021.000
Tạm ứng cổ tức (10% mệnh giá)	8.819.311.000	8.865.021.000
Cộng	17.684.332.000	17.730.042.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.868.571	8.868.571
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.868.571	8.868.571
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.868.571	8.868.571
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	49.260	3.550
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.260	3.550
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.819.311	8.865.021
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.819.311	8.865.021
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	865.731.349.724	613.916.316.899
- Doanh thu bán thành phẩm	844.650.116.401	613.211.316.504
+ <i>Doanh thu xuất khẩu FOB</i>	792.836.219.210	594.556.567.057
+ <i>Doanh thu xuất khẩu CMP</i>	5.236.641.616	7.739.798.065
+ <i>Doanh thu nội địa</i>	46.577.255.575	10.914.951.382
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	275.601.474	483.184.580
- Doanh thu cung cấp nguyên vật liệu	20.805.631.849	221.815.815
Các khoản giảm trừ doanh thu (giảm giá hàng bán)	(44.622.757)	(33.283.782)
Doanh thu thuần	865.686.726.967	613.883.033.117
<i>Trong đó:</i>	-	-
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	844.607.730.572	613.178.032.722
+ <i>Doanh thu thuần xuất khẩu FOB</i>	792.793.833.381	594.527.055.655
+ <i>Doanh thu thuần xuất khẩu CMP</i>	5.236.641.616	7.738.772.065
+ <i>Doanh thu thuần nội địa</i>	46.577.256.575	10.912.205.002
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	273.364.546	483.184.580
- Doanh thu thuần cung cấp nguyên vật liệu	20.805.631.849	221.815.815

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	663.948.650.444	487.781.634.400
Giá vốn nguyên vật liệu	18.387.602.241	221.815.815
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	356.515.237
Cộng	682.336.252.685	488.359.965.452

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	94.146.865	164.641.990
Lãi thu được từ hoạt động liên kết với Bệnh viện đại học Y Dược	8.752.695.000	7.928.445.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	851.880.000	470.589.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.660.642.608	7.723.290.727
Chiết khấu thanh toán	28.892.523	-
Cộng	20.388.256.996	16.286.966.717

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.247.570.039	4.797.835.473
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.052.990.573	5.934.084.376
Chiết khấu thanh toán	304.571.496	-
Cộng	16.605.132.108	10.731.919.849

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.247.773.289	6.769.529.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.973.465.936	8.291.679.971
Chi phí khác	32.972.500	267.380.344
Cộng	18.254.211.725	15.328.589.773

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	98.861.282.754	62.893.354.830
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.669.719.820	1.230.450.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.426.797.716	2.396.242.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.785.373.269	4.959.579.961
Chi phí khác	8.287.496.366	5.171.637.579
Cộng	118.030.669.925	76.651.265.800

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	240.600.000	341.627.274
Thu nhập từ các khoản không phải thanh toán do hàng không đạt chất lượng	1.434.966.166	616.107.399
Thu từ bồi thường giải phóng mặt bằng tại 333 Lũy Bán Bích	-	78.566.800
Cộng	1.675.566.166	1.036.301.473

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	7.863.319	7.353.328
Chi phí sửa lại mặt bằng do giải phóng đường tại 333 Lũy Bán Bích	-	69.794.350
Chi phí khác	209	-
Cộng	7.863.528	77.147.678

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.010.700.683	34.952.850.187
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.010.700.683	34.952.850.187
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.830.582	8.865.021
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.871	3.943

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.865.021	8.865.021
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(34.439)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.830.582	8.865.021

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	539.233.054.899	366.399.304.414
Chi phí nhân công	264.019.254.009	170.160.201.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.561.064.395	10.829.612.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.134.371.698	29.143.260.143
Chi phí khác	7.948.549.363	5.382.090.046
Cộng	900.896.294.364	581.914.469.519

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các công nợ phải thu, phải trả liên quan đến tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	1.149.322.766	336.097.288
Trả trước cho người bán để đầu tư mua sắm tài sản cố định	10.263.481.534	10.097.001.534

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Tập đoàn cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.5 đến VIII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Tập đoàn phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của các công ty trong Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.341.422.506	894.032.693
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	73.286.410	79.827.129
Phụ cấp, thù lao Hội đồng quản trị	531.468.341	853.977.341
Tiền thưởng	402.092.591	165.833.875
Cộng	4.348.269.848	1.993.671.038

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Con Đường Xanh	Công ty có Giám đốc là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH Xanh Cơ Bản	Công ty có Giám đốc là cổ đông góp vốn
Công ty TNHH B&O	Công ty có Giám đốc là cổ đông góp vốn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Phú Mỹ		
Giá trị thi công hoàn thành tăng tài sản công trình Tân Mỹ	15.980.000	210.326.279
Ứng trước tiền thi công công trình Tân Mỹ	-	190.285.046
Ứng tiền trang bị bàn ghế cho nhà lưu trú công nhân Tân Mỹ	-	106.233.600

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản trang bị nhà lưu trú cho công nhân Tân Mỹ	-	241.440.000
Ứng trước tiền thi công công trình nhà lưu trú cho công nhân Tân Mỹ	-	1.678.201.364
Cho mượn tiền để xây dựng trạm xử lý nước thải	1.562.831.120	-
Công ty TNHH Xanh Cơ Bản		
Bán hàng	36.278.628.014	4.067.519.032
Công ty TNHH Con Đường Xanh		
Bán hàng	4.480.453.400	-
Công ty TNHH B&O		
Mua nguyên vật liệu	3.578.090.864	43.818.547
Bán hàng	17.625.377.679	944.607.162

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Phú Mỹ		
Ứng trước tiền thi công công trình nhà lưu trú cho công nhân Tân Mỹ	9.446.981.534	9.431.001.534
Cho mượn tiền để xây dựng trạm xử lý nước thải	1.562.831.120	-
Phải thu lại khoản đã ứng tiền thuê đất tại cụm công nghiệp Hắc Dịch	3.670.052.514	3.670.052.514
Công ty TNHH Xanh Cơ Bản		
Tiền hàng phải thu	33.919.946.069	929.354.407
Công ty TNHH Con Đường Xanh		
Tiền hàng phải thu	8.701.975.676	-
Công ty TNHH B&O		
Tiền hàng phải thu	16.818.256.871	1.020.146.946
Cộng nợ phải thu	74.120.043.784	15.050.555.401
Công ty TNHH B&O		
Tiền nguyên vật liệu phải trả	1.268.399.987	56.725.402
Cộng nợ phải trả	1.268.399.987	56.725.402

3. Thông tin bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh**

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh ngành may mặc.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chủ yếu là xuất khẩu.

4. Thuê hoạt động**Các hợp đồng đi thuê**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	717.368.807	671.629.140
Trên 01 năm đến 05 năm	-	671.629.140
Cộng	717.368.807	1.343.258.280

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn thuê nhà xưởng dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong 10 năm. Chi phí thuê được cố định trong suốt thời gian thuê.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.021.747.606	26.304.856.543	17.021.747.606	26.304.856.543
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	14.358.820.000	14.322.770.000	14.358.820.000	14.322.770.000
Phải thu khách hàng	88.838.420.983	76.782.249.033	88.838.420.983	76.782.249.033
Các khoản phải thu khác	7.368.987.738	4.087.442.160	7.368.987.738	4.087.442.160
Cộng	127.587.976.327	121.497.317.736	127.587.976.327	121.497.317.736
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	91.738.121.735	92.548.299.659	91.738.121.735	92.548.299.659
Phải trả người bán	69.915.189.843	32.835.082.537	69.915.189.843	32.835.082.537
Các khoản phải trả khác	62.205.307.405	44.161.662.969	62.205.307.405	44.161.662.969
Cộng	223.858.618.983	169.545.045.165	223.858.618.983	169.545.045.165

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.18). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm	
Phải thu khách hàng và Hàng tồn kho	Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).
Số đầu năm	
Phải thu khách hàng và Hàng tồn kho	Một số hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá USD 2,000,000 đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ hối đoái).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	91.738.121.735	-	-	91.738.121.735
Phải trả người bán	69.915.189.843	-	-	69.915.189.843
Các khoản phải trả khác	60.441.963.907	1.763.343.498	-	62.205.307.405
Cộng	222.095.275.485	1.763.343.498	-	223.858.618.983
Số đầu năm				
Vay và nợ	92.548.299.659	-	-	92.548.299.659
Phải trả người bán	32.835.082.537	-	-	32.835.082.537
Các khoản phải trả khác	43.570.383.595	591.279.374	-	44.161.662.969
Cộng	168.953.765.791	591.279.374	-	169.545.045.165

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
	+ 2	(1.395.079.481)
	- 2	1.395.079.481
Năm trước		
	+ 2	18.794.149
	- 2	(18.794.182)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
	+ 2	(1.376.071.826)
	- 2	1.376.071.826
Năm trước		
	+ 2	(1.388.224.495)
	- 2	1.388.224.495

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT – THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2012



Trần Thị Thị Hạnh
Người lập biểu



Nguyễn Minh Hằng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - THƯƠNG MẠI MAY SÀI GÒN

Địa chỉ: 236/7 Nguyễn Văn Lương, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
 BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	88.685.710.000	5.765.652.370	(88.750.000)	1.361.168.850	15.059.162.245	2.730.049.318	10.724.487.358	124.237.480.141
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu năm	-	-	-	(1.361.168.850)	-	-	-	(1.361.168.850)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm	-	-	-	1.412.257.150	-	-	-	1.412.257.150
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	34.952.850.187	34.952.850.187
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	2.423.282.346	1.531.578.722	(9.609.186.542)	(5.654.325.474)
Điều chuyển giữa các quỹ trong năm	-	-	-	-	122.420.039	-	(224.110.588)	(101.690.549)
Tăng quỹ từ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-	-	-	3.215.049.509	-	(3.215.049.509)	-
Chi khen thưởng Hội đồng quản trị và Cán bộ công chức; chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	-	(1.434.674.778)	(1.434.674.778)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(17.730.042.000)	(17.730.042.000)
Số dư cuối năm trước	88.685.710.000	5.765.652.370	(88.750.000)	1.412.257.150	20.819.914.139	4.261.628.040	13.464.274.128	134.320.685.827
Số dư đầu năm nay	88.685.710.000	5.765.652.370	(88.750.000)	1.412.257.150	20.819.914.139	4.261.628.040	13.464.274.128	134.320.685.827
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(774.388.686)	-	-	-	-	(774.388.686)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đầu năm	-	-	-	(1.412.257.150)	-	-	-	(1.412.257.150)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái cuối năm	-	-	-	5.175.481.758	-	-	-	5.175.481.758
Điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế từ năm 2006 - 2009	-	-	-	-	106.343.299	-	(570.615.794)	(464.272.495)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	43.010.700.683	43.010.700.683
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(8.819.311.000)	(8.819.311.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	5.171.608.939	1.568.666.418	(11.911.884.296)	(5.171.608.939)
Chi khen thưởng Hội đồng quản trị và Cán bộ công chức; chi thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	-	(3.544.829.486)	(3.544.829.486)
Số dư cuối năm nay	88.685.710.000	5.765.652.370	(863.138.686)	5.175.481.758	26.097.866.377	5.830.294.458	31.628.334.235	162.320.200.512

Trần Thị Mỹ Hạnh
 Người lập báo cáo tài chính

Trần Thị Mỹ Hạnh

Người lập báo cáo tài chính

Nguyễn Minh Hằng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hằng

Kế toán trưởng

